

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái Hữu Biên Hoà hân hạnh giới thiệu bài: **Tản Mạn Biên Hoà: Cù Lao Phố** của đồng hương Bác Sĩ **Trần Ngươn Phiêu**. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời quý đồng hương và thân hữu thưởng lãm.

Trân trọng.



CÙ LAO PHỐ **Bác Sĩ Trần Ngươn Phiêu**

Trong lịch sử mở rộng bờ cõi đất nước Việt Nam, cuộc Nam Tiến đã thật sự thành công khi vùng đất (hiện nay Đồng Nai-Gia Định) đã được tiên nhân gia công củng cố phát triển. Từ nơi đây, một đầu cầu vững chắc đã được hình thành, để từ đó bùng ra khai thác toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vùng đất

miền Nam đã thành hình trong lịch sử Việt Nam chỉ vào khoảng 400 năm, kể từ thế kỷ XVII. Trước thế kỷ thứ VI, đây là một vùng đất hoang vu thuộc Vương Quốc Phù-Nam.

Trường Viễn Đông Bác Cổ, sau cuộc khám phá các di tích ở Óc Eo, vùng núi Ba-Thê (Châu-Đốc) năm 1944, đã gọi thời này là nền văn minh Óc-Eo. Sau thế kỷ thứ VI, sắc tộc Kambuja từ miền Bắc tràn xuống đã phá tan Vương Quốc Phù Nam và thành lập Vương Quốc Chân Lạp. Vương Quốc Chân Lạp đã nổi tiếng vì sự nghiệp xây dựng một kỳ công kiến trúc: đền đài Angkor vào thế kỷ XII! Vương Quốc Chân Lạp đã suy yếu vì những cuộc tranh giành nội bộ cộng với sự lấn chiếm của lân quốc Xiêm (Thái Lan). Họ đã phải ba lần dời đô, từ bỏ Angkor để qua Oudong và sau cùng dừng lại ở Phnom Penh.

Năm 1620, với ý định tìm đồng minh liên kết để chống trả Vương Quốc Xiêm, Vua Chey Chetta II đã đến đất Thuận Hoá, xin cầu hôn cưới Công Chúa Nguyễn Ngọc Vạn, con của Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. Công chúa Ngọc Vạn đã trở thành Hoàng Hậu Ang Cuv hay Sam Đát đất Chân Lạp. Chuyện cưới gả này cũng là dịp để Chúa Nguyễn có thêm được tiềm lực tài nguyên trong cuộc phân tranh với Chúa Trịnh ở Bắc. Cuộc Nam Tiến đã thực sự khởi tiếp để kết thúc ở miền Nam, nhờ ở sự kết hôn của Công Chúa Ngọc Vạn. Việc này cũng có thể coi như sự lập lại của lịch sử trước kia, khi Nhà Trần gả Công Chúa Huyền Trân về Vương Quốc Chăm để lấy đất hai châu Ô, Rí! Tháp tùng Công Chúa Ngọc Vạn là một số tùy tùng thân tín theo để phục vụ. Lịch sử ghi nhận Công Chúa Ngọc Vạn, nay là Hoàng Hậu Sam Đát đã xử sự rất khéo và rất được lòng hoàng tộc Chey Chetta.

Sau cuộc hành quân năm Mậu Tuất (1658) của Chúa Nguyễn Phước Nguyên vào Môi Xuy (Bà Rịa), Vua Nặc Ông Chân mới chịu thuận phục Chúa Nguyễn và đồng ý cho người Việt đến sinh sống trên đất mình. Chúa Nguyễn lại khuyến khích dân Thuận Quảng di vào đất Chân Lạp khẩn hoang, lập ấp, biến miền đất hoang phế, ít ỏi dân cư này càng ngày càng thêm trù phú.

Năm 1679, một sự kiện mới lại làm cho cuộc Nam Tiến đợt này thêm phần đót khởi: cuộc di dân của hơn ba ngàn quan binh Trung-Hoa, gốc Quảng-Đông, Phước-Kiến, trung thành với Minh Triều, không chấp nhận sống dưới triều Mãn-Thanh. Xuôi về Nam trên 50 chiến thuyền, họ đã đến xin Chúa Nguyễn Phúc Tần chấp nhận cho nơi cư trú. Chúa Nguyễn ưng thuận cho họ đến khai khẩn đất miền Nam. Nhóm di dân này đã chia làm hai: một nhóm do tướng Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình hướng dẫn đã chọn vùng cù lao (Cù Lao Phố) để khai khẩn. Nhóm thứ hai do Trương Ngạn Địch, Hoàng Tiến chỉ huy đã tiến xa hơn, chọn vùng Mỹ-Tho, Cao-Lãnh làm đất dung thân.

Trần Thượng Xuyên và các bộ hạ đã chọn vùng Cù Lao Phố để thành lập và phát triển thành Nông-Nại Đại Phố, một thương cảng sầm uất, tập nập thương thuyền buôn bán với người nước ngoài như Nhật-Bản, Trung-Hoa, Ấn-Độ, Mã-Lai, Nam-Dương...

Là một cấp chỉ huy có tầm nhìn xa, Trần Thượng Xuyên đã thấy vùng đất này có nhiều tiềm năng về nông nghiệp và thương nghiệp vì thuận lợi giao thông thủy bộ. Ông đã huy động sức người và của cải để biến thương cảng Nông-Nại Đại Phố thành một trung tâm thương mại danh tiếng vào bậc nhất ở phương

Nam vào thời bấy giờ. Dọc theo bờ sông, vùng Cù Lao Phố từ đó, đã được biết với danh xưng mới: Sông Phố, vì phố xá tập nập. Cù Lao Phố mang nhiều tên gọi khác nhau. Ngoài tên Nông-Nại Đại Phố, còn có các tên: Cù-Châu, Đông-Phố, Giản-Phố, Bãi Ròng.

Đối với người dân Biên Hoà Nai hiện nay, Cù Lao Phố là một địa danh quen thuộc, mọi người đều biết. Đây là một hòn đảo phù sa, nằm gọn giữa hai cánh tay sông Đồng Nai. Quốc Lộ Số 1 ngày trước, cũng như đường xe lửa xuyên Việt đều băng qua cù lao này, qua hai chiếc cầu: Cầu Gành bốn nhịp về phía Nam và Cầu Rạch Cát về hướng Bắc.

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí đã ghi nhận cảnh phồn thịnh của Cù Lao Phố ngày trước như một nơi hưng thịnh, thu hút nhiều cư dân đến từ miền Trung. "...Nhà mái ngói, tường vôi, lầu cao, quán rộng. San sát bên bờ sông là các nhà gỗ hai tầng, nối liền năm dặm...." Ngoài việc xây cất nhà cửa, phố chợ, phát triển các nghề trồng trọt, thủ công nghiệp, Trần Thượng Xuyên còn cho xây ba loại đường rộng, bằng phẳng, đến nay vẫn còn. Con đường giữa theo chiều dài cù lao lót đá ong đỏ, dài độ 4 km, từ Chùa Đại Giác đến Bến Đò Kho. Đường thứ hai, xây ngang cù lao, lót đá trắng chặt con đường giữa cạnh Chợ Hiệp Hoà đi đến Bến Đò Tân Vạn. Con đường thứ ba, lót đá xanh bao quanh cù lao thì hình như đã biến mất dạng, nay chỉ còn vài dấu tích.

Trần Thượng Xuyên, ngoài biệt tài tổ chức khai khẩn vùng đất hoang vu thành một thương cảng phồn thịnh, lại cũng là một dũng tướng đã giúp Chúa Nguyễn trong nhiều trận đánh dẹp Cao-Miên, mở rộng biên cương miền Nam. Năm 1690, ông đã

cùng với Mai Vạn Long đánh bại và bắt được Nặc-Ông-Chân, chiếm Nam-Vang, Gò Bích, Cầu Nam. Năm 1700, ông đã giúp Nguyễn Hữu Cảnh tiến đánh Vua Chân Lạp lần thứ hai. Sau cuộc hành quân này, biên cương Đàng Trong đã được mở rộng thêm từ Biên Trấn, Phiên Trấn đến tận Định Tường, Long Hồ và An Giang. Năm 1715, ông cùng với Nguyễn Cửu Phú đánh Nặc-Ông-Thâm và chiếm được thành La-Bích. Chúa Nguyễn đã ban cho ông danh hiệu “Nguyễn vi vương, Trần vi tướng, đại đại công thần bất tuyệt”.

Năm 1720, Trần Thượng Xuyên qua đời, được phong Thượng Đẳng Thần. Về sau, dân chúng tôn thờ ông ở Đình Tân Lân, xây bên bờ sông Đồng Nai, cạnh Chợ Biên Hoà. Hằng năm dân chúng vùng này vẫn lấy ngày ông mất tức 23 tháng 10 âm lịch để làm ngày Giỗ Đức Ông.

Trong các công thần nhà Nguyễn có công khai khẩn mở mang bờ cõi miền Nam, phải nhắc đến Nguyễn Hữu Cảnh. Năm 1698, Chúa Nguyễn sai Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược phương Nam. Viên Thống Suất này đã chọn Cù Lao Phố làm nơi đặt tổng hành dinh. Tại bản doanh này, ông đã thiết lập cơ sở hành chánh, ổn định đời sống dân chúng bằng cách tổ chức phủ, huyện, tổng, xã, thôn của các vùng Phước Long, Biên Trấn. Việc quy định khai khẩn ruộng đất, lập sổ bộ đình, điền, thuế má đã giúp cho Chúa Nguyễn có thêm nguồn lợi thu thập. Ông đã có sáng kiến khuyến khích dân chúng các miền Quảng Nam, Quảng Ngãi vào khai khẩn ruộng đất, lập vườn tược, thành lập nhiều làng mạc trù phú. Những nghề thủ công đã phát triển mạnh như đúc đồng, làm đồ gốm, đồ mộc, nấu đường.v.v..., những loại hàng hoá được các thương thuyền ngoại quốc ưa chuộng, thu mua xuất cảng.

Tháng 7 năm 1699, Nặc-Thu, vua Chân-Lạp chống Chúa Nguyễn. Nguyễn Hữu Cảnh đã được cử đi đánh dẹp, khiến Nặc-Thu phải xin hàng phục vào tháng 4 năm 1700. Sau khi chiến thắng, trên đường rút về, khi đóng quân ở cồn Cây Sao (về sau được gọi là Cù Lao Ông Chưởng, An Giang), ông lâm trọng bệnh và đã mất khi về đến Rạch Gầm. Linh cữu được đưa về bản doanh Cù Lao Phố và an táng ở thôn Bình Hoàn, nay được đổi tên thành thôn Bình Kính. Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, được dân địa phương gọi là Đình Bình Kính, nằm gần Quốc Lộ 1, giữa Cầu Gành và Cầu Rạch Cát, mặt tiền day xuống dòng Đồng Nai. Hằng năm, ngày 16 tháng 5 âm lịch là ngày Giỗ được long trọng tổ chức để ghi ơn của một công thần khai quốc. Danh ông đã được dân gian miền Nam đời đời ghi nhớ qua câu hát ru em:

**“Bao phen quạ nói với diều:
Cù Lao Ông Chưởng có nhiều cá, tôm”**

Việc Trần Thượng Xuyên cầm binh giúp Chúa Nguyễn lại trở thành một tai họa khi xảy ra cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Trong khoảng những năm 1776- 1779, Cù Lao Phố đã bị tàn phá trong các cuộc giao tranh. Quân Tây Sơn phá huỷ nhà cửa, tiệm buôn, phố xá, kho chứa hàng đều bị thiêu đốt. Đường xá bị đào bới, các cơ sở thủ công tan tành. Dân chúng bị tàn sát, thây lấp hết dòng sông quanh cù lao, nước đỏ ngào vì máu. Đến cả tháng sau, những người sống sót không ai dám dùng nước ở sông vì ô nhiễm! Cả một vùng thương cảng sầm uất đã thành chiến địa tan hoang. Những người Hoa còn sống sót đã bồng bế nhau lánh nạn về Bến Nghé và là những người đã gây dựng lại sự nghiệp, thành lập vùng Chợ-Lớn về sau này!

Trong quá trình di dân vào Đàng Trong, về mặt tín ngưỡng, phải nhắc đến sự kiện về ba nhà sư, đệ tử của Tổ Sư Nguyên-Thiền (người gốc Quảng-Đông): Thành-Nhạc, Thành-Đẳng và Thành-Chí. Ba nhà sư này đã khởi công sáng lập ba ngôi chùa nay vẫn còn nổi danh ở Biên Hoà.

Sư Thành-Nhạc cùng các đệ tử đã lập Chùa Long Thiên ở xã Bửu Hoà, ven sông Đồng-Nai. Sư Thành Đẳng đã chọn Cù Lao Phố để dựng Chùa Đại Giác và sư Thành Chí đã lên vùng núi đá Bửu Long xây dựng Chùa Bửu Phong.

Chùa Đại Giác khi được dựng lên, chỉ là một ngôi chùa nhỏ, cột cây, vách ván, lợp ngói âm dương. Trong cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh, vào năm 1779, công chúa thứ Ba của Nguyễn Ánh là Nguyễn Thị Ngọc Ánh trong cơn binh lửa, đã có lần đến ẩn náu tại chùa Đại Giác. Khi Gia Long lên ngôi, nhớ đến ơn ngày trước, Vua đã ban chiếu cho trùng tu năm 1802. Đến năm 1820, Vua Minh Mạng cũng tiếp tục cho sửa rộng lớn hơn. Công Chúa Ngọc Ánh đã cúng dường một bức hoành phi sơn son thếp vàng có khắc ba chữ “Đại Giác Tự”. Bên trái khắc “Minh Mạng nguyên niên, mạnh đông cốc nhật” Bên phải khắc “Tiên triều hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ngọc Ánh phụng cúng”. Tấm hoành phi này đến ngày nay vẫn được treo trước chánh điện. Qua nhiều đợt trùng tu về sau, chùa mới có thêm lầu chuông và lầu trống. Vì thế, tuy chùa có tiếng là “cổ tự”, nhưng nay lại có kiến trúc toàn mới.

Chùa Đại Giác, Chùa Bửu Phong và Chùa Long Thiên là ba ngôi chùa chứng tích cho bước Nam Tiến của nửa đầu thế kỷ thứ XVII. Ba nhà sư: Thành-Đẳng, Thành-Chí, Thành-Nhạc thuộc Dòng Lâm-Tế của Tổ Nguyên-Thiền đã có công đức

thành lập ba Trung Tâm Phật Giáo đầu tiên ở đất Biên Hoà. Việc hoằng dương giáo pháp đã được truyền đi các tỉnh miền Nam từ ba trung tâm sơ khởi này.

Nhắc đến các đền, chùa ở Cù Lao Phố, không thể không kể đến một ngôi chùa đặc biệt, nằm cách bên phía tay phải Chùa Đại Giác khoảng một trăm thước. Chùa có tên là Chùa Chúc Đảo, nay được mang tên là Chùa Chúc Thọ; nôm na lại có tên gọi Chùa Sau, nhưng dân gian vẫn thường gọi là Chùa Thủ Huỳnh.

Người sáng lập chùa là một nhân vật có thật, tên Võ Thủ Hoàng. Có lẽ vì dân chúng Đàng Trong không dám phạm húy đến tên chúa Nguyễn Hoàng nên tên Thủ Hoàng được gọi trại thành Thủ Huỳnh? Võ Thủ Hoàng là một thư lại ở đất Biên Hoà vào đầu thời Chúa Nguyễn. Nhờ sử dụng các thủ đoạn xảo trá, Thủ Huỳnh đã lươn lẹo chiếm đoạt được nhiều tài sản của dân chúng, cho vay nặng lãi v.v...nên đã trở thành bá hộ.

Có nhiều huyền thoại được truyền tụng trong dân gian nhưng đại để câu chuyện là Thủ Huỳnh đã có dịp gặp được một người đi thiếp xuống địa ngục (có chuyện lại kể là chính ông đã được dịp đó) và thấy ở dưới đang có sẵn một gông lớn dành cho Thủ Huỳnh! Thủ Huỳnh đã ăn năn hối cải, đem của bố thí cho người nghèo, bán ruộng vườn để cúng dường chùa chiền, giúp đỡ thôn xóm. Ông đã dùng gia sản dựng lên Chùa Chúc Đảo ở Cù Lao Phố, thiết lập một chiếc bè lớn có đầy đủ nồi niêu, gạo, mắm cho ghe thuyền lỡ độ đường ngược nước có chỗ nghỉ ngơi ở ngã ba sông Đồng-Nai và sông Sài-Gòn. Ngã ba có chiếc bè của Thủ Huỳnh đến nay vẫn còn được gọi là Ngã Ba Nhà Bè, một địa danh đã đi vào lịch sử với câu hò:

Nhà Bè nước chảy chia hai. Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...

Bên dòng sông Đồng-Nai, gần Cầu Gành, còn một di tích lịch sử được dựng lên từ thuở Trần Thượng Xuyên. Đó là đền thờ Quan Thánh, một vị thần mà các cộng đồng Trung-Hoa rất tôn sùng. Dân chúng Cù Lao Phố gọi nơi đây là Chùa Ông và thường đến lễ bái. Đền có tiếng rất linh thiêng với những tượng rất cổ. Tuy xa xôi nhưng hằng năm, rất nhiều người Hoa từ Chợ-Lớn, Sài-Gòn vẫn thành kính đem lễ vật lên dâng cúng và đồng thời cũng tìm được dịp để sống những phút thư thả trong cảnh trí rất đẹp của đền xây cạnh bờ sông Đồng-Nai.

Ngày Mừng Ba Tết năm 1975, tác giả bài này đã đến viếng đền và theo thông lệ cổ truyền, đã cầu xin một quả đầu năm. Trong tâm, Quan Thánh cho biết “Trong năm có nạn lớn, đi về hướng Đông sẽ thoát”. Cũng vì lẽ đó nên khi miền Nam bị lấn chiếm, tác giả đã theo lời Ông chỉ bảo, chọn đường biển Đông qua Mỹ thay vì trở qua đất Pháp là nơi đã có một thời du học!

Di tích lịch sử văn hoá đến nay còn biết được chính xác, phần lớn phải nhờ đến công trình biên soạn của một danh nhân khác của thời lập quốc, một nhân vật đã được người dân Biên Hoà tôn kính: Trịnh Hoài Đức. Ông gốc người Minh Hương, sanh năm 1765, ở Bình Trước, Biên Hoà, đã từng thọ giáo với Võ Trường Toản. Ông đã được Vua Gia Long trọng dụng sau khi thi đỗ ở Huế, đảm nhận việc dạy Đông Cung Cảnh, được cử làm Thượng Thư hai bộ Lại và Binh, nhiều lần làm Chánh Sứ sang Trung Quốc. Ngoài các tập thơ Cẩn Trai Thi Tập và Bắc Sứ Thi Tập, ông đã viết bộ địa chí gồm sáu quyển, biên khảo rất công phu về lịch sử, địa dư, phong tục, nền hành chánh...miền Nam:

bộ Gia Định Thành Thông Chí. Tài liệu này đã được phiên dịch ra Pháp Ngữ và xuất bản năm 1863 ở Paris. Đây là một công trình biên khảo vô giá cho những sử gia muốn nghiên cứu về miền Nam. Trịnh Hoài Đức mất năm Ất Dậu thời Minh Mạng, thọ 60 tuổi. Mộ đến nay vẫn còn ở xã Bình Trước (Biên Hoà) và được tôn thờ ở Chùa Gia Thạnh (Chợ Lớn), chùa của người Minh Hương, thờ Vua Gia Long và các công thần người Minh.

Cù Lao Phố, một địa danh đã một thời nổi tiếng với tên Nông-Nại Đại Phố, tóm lại phải được coi như một nơi xuất phát quan trọng trong việc hoàn thành cuộc Nam Tiến. Mặc dầu vùng này vẫn được biết như một vùng đất mới, dân cư thưa thớt khi Chúa Nguyễn cho người vào khai thác, nhưng theo các nghiên cứu khảo cổ, người tiền sử đã hiện diện trên vùng đất này cả ngàn năm về trước. Để tự bảo vệ với thú dữ, người tiền sử thường tìm nơi trú ẩn ở các hang động, các cù lao trên sông. Trên các cù lao như Cù Lao Rùa, Cù Lao Gáo ...dọc sông Đồng-Nai, các dụng cụ bằng đá mài như búa, dao vẫn thường được tìm thấy.

Năm 1927, một kỹ sư Pháp tên Jean Bouchot đã phát hiện một ngôi mộ đá khi mở con đường Số 2 từ Long Khánh đến Bà-Rịa, cách Ngã Ba Tân Phong độ 3 km. Trường Viễn Đông Bác Cổ đã được thông báo. Việc khai quật đã được giao cho Jean Bouchot và chủ đồn điền cao su tên W. Bazé. Lực lượng lao động được sử dụng phần lớn là các tội phạm nên việc làm đã không đúng với các nguyên tắc khai quật. Tuy nhiên, J. Bouchot là một kỹ sư nên đã ghi chú cẩn thận các chi tiết đào bới. Đây là một ngôi mộ, được gọi là Mộ Cổ Hàng Gòn, bằng đá hoa cương được mài dũa, dài 4,20 m, ngang 2,70 m, cao 1,60 m. Sáu tấm đá được mài dũa ở mặt ngoài đã được ghép thành một hộp vuông dài, được giữ chặt nhờ hệ thống rãnh 10 cm đục

trong đá, sâu 4 đến 5 cm. Hai bên mộ còn có hai hàng trụ đá hoa cương và sa thạch cao 7,50 m. Trên đầu các trụ đều được khoét lõm, hình yên ngựa. Các nhà khảo cổ danh tiếng trên thế giới như H. Parmentier đã quan tâm đến quan sát. Các nhà khoa học đã khẳng định, đây là mộ cổ loại hình dolmen, nhưng so với kiến trúc Mégalithique ở Đông Nam Á, thường có hình thức thô sơ, thì mộ Cự Thạch Hàng Gòn của những người Việt cổ lại là một thành tựu độc đáo về kỹ thuật và nghệ thuật.

Một phát hiện khảo cổ quan trọng khác đã chứng minh sự hiện diện của người cổ Việt ở miền Nam từ nhiều ngàn năm trước. Đó là việc tìm được một nhạc khí độc đáo: đàn đá. Năm 1949, một bộ đàn đá đầu tiên được tìm thấy ở buôn Ndút Lieng Krak ở cao nguyên Daklat. Giáo Sư G. Condominas, chuyên khảo về nhân chủng học và Giáo Sư Âm Nhạc André Schaseffner đã công bố về phát hiện khảo cổ này ở Paris ngày 6 - 6- 1950. Bộ đàn đá này hiện đã được bảo tồn ở Bảo Tàng Viện Louvres. Nhà nghiên cứu nhạc Trần Văn Khê đã có lần xin được quan sát bộ đàn đá này ở Louvres nhưng chỉ được xem hình chụp và nghe tiếng nhạc qua băng ghi âm mà thôi! Đến năm 1970, một bộ đàn đá thứ hai được phát hiện ở làng Bù Dơ, tỉnh Lâm Đồng. Có lẽ vì chánh quyền Việt trong thời chiến, không chú trọng nhiều về các di tích lịch sử nên một người Mỹ đã đem đi bộ đàn đá này về tặng cho viện Bảo Tàng Los Angeles lưu giữ! Đến ngày 13 tháng 12 năm 1979, nhân một cuộc khai quật khảo cổ ở Bình Đa, thành phố Biên Hoà, tỉnh cờ, một bộ đàn đá đủ 47 thanh đã được phát hiện khi đào sâu đến độ 65 cm! Có thể coi đây là một ngày trọng đại về lịch sử khảo cổ, chứng minh vùng Đông Nai cũng như vùng Nam Tây Nguyên đều thuộc một vùng văn hoá đặc thù: văn hoá đàn đá, khác với vùng văn hoá trống đồng ở lưu vực sông Hồng và sông Mã ở miền Bắc. Những mẫu

tro, xương cạnh bộ đàn đá Bình Đa đã được gửi sang thử nghiệm ở Đức và phản ứng phóng xạ Carbone C 14 đã xác định niên đại đàn đá Việt Nam ở độ 3 ngàn 180 năm. Vài năm sau 1979, đàn đá cũng đã được phát hiện nhưng không trọn vẹn ở Gò Me, cách xa Bình Đa độ 3 km về hướng Tây.

Sông Đồng-Nai là một con sông nước rất trong, so với nước đục phù sa của sông Cửu Long. Ngày thường mặt sông trông rất hiền hoà nhưng mỗi năm đến mùa nước đổ, sông trôi cuộn cuộn, cuốn cành khô củi mục từ trên rừng xuống, thường gây lụt lội bất ngờ. Vì vậy nên mỗi năm, mặt đất thường được phủ lên bằng lớp đất mới. Tác giả bài này đã lớn lên ở ấp Phước Lư, một ấp nhỏ bên bờ Rạch Cát là con rạch bao quanh Cù Lao Phố về mặt Bắc. Nhà vườn ở cạnh di tích chân cầu Rạch Cát ngày xưa, nay chỉ còn lại hai vệt cầu rất dày, xây bằng đá xanh. Bên kia bờ sông, ở Cù Lao Phố cũng còn di tích hai vệt cầu đối diện. Năm 1945, nhân dịp cần phải đào mương rộng chung quanh vườn để đem nước tưới đất, các người giúp việc đào đã cuộc gặp vô số móng sắt đóng chân ngựa, bàn đập và phụ tùng yên, cương thắng ngựa, các lưỡi giáo, mác bằng kim khí đã hư hao, rỉ sét.... Đây là bãi chiến trường ngày xưa nên các di vật trên đã được gom thành nhiều đống, đem bán lại cho những người thu mua sắt vụn!

Cù Lao Phố là một vị trí có thể được người tiền sử chọn làm nơi di trú. Hy vọng trong tương lai sẽ có những cuộc khảo cổ, khai quật trong lòng đất nhiều phát hiện mới. Trần Thượng Xuyên. khi đến đất Nông-Nại đã chọn ngay nơi đây làm chỗ dừng chân vì ông là một danh tướng dũng lược có tầm nhìn ước đoán xa. Nông-Nại Đại Phố do ông thành lập đã có một thời vang tiếng ở phương Nam. Sau khi bị đổ nát trong cuộc chiến Nguyễn Ánh

- Nguyễn Huệ, những người có óc kinh doanh lớn đã di chuyển để lập thành vùng Chợ-Lớn trù phú, nhưng một số người bình dân vẫn bám trụ gầy dựng lại đời sống ở miền đất cù lao để sinh sống này.

Một cộng đồng mới lại được củng cố thành lập, một cộng đồng có sắc thái riêng biệt, được người vùng Biên Hoà chú trọng. Cù Lao Phố được tiếng là một nơi rất an cư, dân chúng sống kỷ luật, một lòng một dạ. Trộm cướp đã tránh không dám dòm ngó đến nơi này vì họ đã biết: theo tiền lệ, khi được tin có gian phi xâm nhập, cả làng đều thức dậy đốt đuốc giữ khắp mặt sông, kiểm soát hai đầu Cầu Gành và Cầu Rạch Cát. Nếu kẻ trộm cướp bị bắt được với đầy đủ tang chứng, dân làng sẽ họp lại để quyết định kết tội: cột đá vào kẻ gian phi và đem ra giữa Cầu Gành, xô xuống sông Đồng Nai!

Theo một vài bô lão thuật lại, thời Pháp chiếm đóng, nghe được tin có kẻ cướp đã bị dân làng Hiệp Hoà xử như thế, viên tỉnh trưởng đã phái một cảnh sát Pháp đến làng điều tra. Gặp tình trạng cả làng đồng lòng cùng nhau kéo đến trụ sở làng phản đối, bảo rằng “không nghe gì, không thấy gì, không biết gì cả”, viên cảnh sát đã ón, trở về tường thuật lại với tỉnh trưởng và ông này cũng “không nghe gì, không thấy gì, không biết gì” cho xong chuyện.

Khoảng hơn sáu mươi năm về trước, người dân vùng Cù Lao Phố, cũng như phần lớn các nơi khác ở miền Nam, rất ít gia đình có sắm được đồng hồ để theo dõi giờ giấc. Buổi sáng tin sương, khi bắt đầu nghe tiếng gà gáy, những người buôn bán phải thức sớm để chuẩn bị gánh hàng ra các chợ, những thợ rừng chèo ghe đi đón củi ở rừng Vĩnh Cửu, những công nhân

làm ở nhà máy cưa Tân Mai, các công, tư chức phải ra ga đón chuyến xe sớm đi làm việc ở Sài-Gòn...người người thường cố nằm thêm để chờ nghe được hồi chuông công phu khuya của Chùa Đại Giác. Đến khi đó, họ mới thật sự thức dậy chuẩn bị cho một ngày lao động mới. Trong không khí êm ả buổi sáng, tiếng chuông chùa cô chậm chậm ngân dài trên sóng nước như để thức tỉnh lòng người. Đến buổi tối, tiếng động vang rền của đoàn xe lửa cuối cùng trong ngày, chuyến tốc hành xuyên Việt, khởi hành từ Sài-Gòn khi vượt qua hai cầu sắt Cù Lao Phố vào lúc 9 giờ đêm là một báo hiệu để nhà nhà tắt đèn đi nghỉ.

Từ ngày mở xa lộ Sài-Gòn/Biên Hoà, khúc Quốc Lộ 1 xuyên qua Cù Lao Phố không còn được xe cộ chiếu cố như trước. Sự di chuyển qua Cầu Gành và Cầu Rạch Cát đã thưa vắng trở lại. Dân chúng đã tìm lại được nhịp sống bình thản ngày trước, chỉ trừ việc hai chiếc cầu vẫn được canh gác nghiêm ngặt, ghe thuyền không được phép di chuyển trên sông ban đêm. Không biết hiện nay, cảnh nghiêm cấm còn duy trì không, vì nay đất nước đã thanh bình? Ước mong sao thế hệ trẻ ngày nay của Cù Lao Phố cũng được hưởng lại cái thú thả thuyền trên sông vào các dịp sáng trăng hoặc đêm đêm hẹn hò ra hóng mát chuyện trò, thê non hẹn biển trên Cầu Gành bốn nhịp!

Trần Nguơn Phiêu